

GETTING AROUND IN SAIGON

MODULAR VIETNAMESE
PIONEER EDITION

FOREIGN SERVICE INSTITUTE
1970



GETTING AROUND IN SAIGON

NOTE: Part B may be done before Part A.

Part A

- | | | |
|-----------|--|-----------|
| Lesson 1. | Taking a Cab | (p. 1) |
| 2. | Locating Buildings
(a) on _____ Street | (p. 2) |
| 3. | Locating Buildings
(b) near _____ | (p. 3) |
| 4. | Verifying Locations
(a) affirmative responses | (pp. 4-5) |
| 5. | Verifying Locations
(b) negative responses | (pp. 6-7) |

Part B

- | | | |
|------------|---|----------------|
| Lesson 6. | Identifying Places
(a) affirmative responses | (pp. 8-9-10) |
| 7. | Identifying Places
(b) negative responses | (pp. 11-12) |
| 8. | Identifying Kinds of Shops
(a) that shop | (pp. 13-14) |
| 9. | Identifying Kinds of Shops
(b) this shop | (p. 15) |
| Lesson 10. | REVIEW | (pp. 16-17-18) |

GETTING AROUND IN SAIGON

LESSON 1

TAKING A CAB

Phase M: Mimicry and Memorization

Repeat these sentences after the instructor while the latter indicates the appropriate places on the map of Saigon.

Ông đi lại tiệm ăn Fuji.	Take me to the Fuji Restaurant. (literally: You go to the Fuji Restaurant.)
Ông đi lại Du-Xom.	Take me to U.S.O.M.
Ông đi lại Hội Việt-Mỹ.	Take me to the Vietnamese-American Association.
Ông đi lại Sứ-Quán Mỹ.	Take me to the American Embassy.
Ông đi lại khách-sạn Majestic.	Take me to the Majestic Hotel.
Ông đi lại rạp hát bóng Rex.	Take me to the Rex (movie) Theatre.
Ông đi lại đường Lê-Lôi.	Take me to Le-Loi Street.
Ông đi đâu?	Where to? (literally: You go where?)

Phase C: Conversation and Communication

Suppose your instructor is a cab driver who asks you where you want to go. Answer according to the place pointed to by the instructor.

instructor: Ông đi đâu?

student: Ông đi lại _____.

NOTE TO THE STUDENT: Ông is a formal word used to address a male. To address a female use instead cô (for a young, unmarried female) or bà (for other females).

LESSON II

LOCATING BUILDINGS

(a) on _____ Street

Phase M: Mimicry and Memorization

Tiêm ăn Fuji ở đường Hùng-Vương.	The Fuji Restaurant is on Hung-Vuong Street.
Du-Xom ở đường Ngô- Thôi-Nhiệm.	U.S.O.M. is on Ngo-Thoi-Nhiem Street.
Hội Việt-Mỹ ở đường Mạc-Dĩnh-Chi.	The Vietnamese-American Association is on Mac-Dinh-Chi Street.
Sứ-Quan Mỹ ở đường Thông-Nhất.	The American Embassy is on Thong-Nhut Street.
Khách-sạn Majestic ở đường Tự-Do.	The Majestic Hotel is on Tu-Do Street.
Rạp hát bóng Rex ở đường Nguyễn-Huệ.	The Rex (movie) Theatre is on Nguyen- Hue Street.

Tiêm ăn Fuji ở đường nào? On what street is the Fuji Restaurant?

NOTE TO THE STUDENT: Ở is a word commonly used to indicate location.

Phase C: Conversation and Communication

Suppose you hail a taxi in Saigon. Members of the class will play the parts of cab driver and passenger by engaging in the following conversation.

cab driver: Ông đi đâu?

passenger: Ông đi lại A (= a place selected by the passenger).

A ở đường nào?

cab driver: A ở đường B.

LESSON III

LOCATING BUILDINGS

(b) near _____

Phase M: Mimicry and Memorization

Sứ-Quan Mỹ ở gần sở thú.

The American Embassy is near the zoo.

Hội Việt-Mỹ ở gần Sứ-Quan Mỹ.

The Vietnamese-American Association
is near the American Embassy.

Sứ-Quan Mỹ ở gần nhà giấy thép
Sài-Gòn.

The American Embassy is near the
Saigon Post Office.

Khách-sạn Majestic ở gần sông
Sài-Gòn.

The Majestic Hotel is near the Saigon
River.

Rạp hát bóng Rex ở gần Khách-sạn
Caravelle.

The Rex (movie) Theatre is near the
Caravelle Hotel.

Sứ-Quan Mỹ ở đâu?

Where is the American Embassy?

Phase C: Conversation and Communication

As in Lesson II, engage in a conversation using the model below.

cab driver: Ông đi đâu?

passenger: Ông đi lại _____ A _____.

_____ A _____ ở đâu?

cab driver: _____ A _____ ở gần _____ C _____, ở đường _____ B _____.

LESSON IV

VERIFYING LOCATIONS

(a) affirmative responses

Phase M: Mimicry and Memorization

- | | |
|---|---|
| { Su-Quan Mỹ ở gần sở thú, phải không? | The American Embassy is near the zoo, |
| { Dạ phải. Su-Quan Mỹ ở gần sở thú. | isn't it? |
| | Yes. The American Embassy is near the zoo. |
| { Tiệm ăn Fuji ở đường Hùng-Vương, phải không? | The Fuji Restaurant is on Hung-Vuong Street, right? |
| { Dạ phải. Tiệm ăn Fuji ở đường Hùng-Vương. | Right. The Fuji Restaurant is on Hung-Vuong Street. |
| { Hội Việt-Mỹ ở đường Mạc-Đĩnh-Chi, phải không? | The Vietnamese-American Association is on Mac-Dinh-Chi Street, right? |
| { Dạ phải. Hội Việt-Mỹ ở đường Mạc-Đĩnh-Chi. | Yes. The V.A.A. is on Mac-Dinh-Chi Street. |
| { Su-Quan Mỹ ở gần nhà giấy thép Sài-Gòn, phải không? | The American Embassy is near the Saigon Post Office, isn't it? |
| { Dạ phải. Su-Quan Mỹ ở gần nhà giấy thép Sài-Gòn. | Yes. The American Embassy is near the Saigon Post Office. |
| { Khách-sạn Majestic ở gần sông Sài-Gòn, phải không? | The Majestic Hotel is near the Saigon River, right? |
| { Dạ phải. Khách-sạn Majestic ở gần sông Sài-Gòn. | Right. The Majestic Hotel is near the Saigon River. |
| { Rạp hát bóng Rex ở đường Nguyễn-Huê, phải không? | The Rex (movie) Theatre is on Nguyen-Hue Street, isn't it? |
| { Dạ phải. Rạp hát bóng Rex ở đường Nguyễn-Huê. | Right. The Rex Theatre is on Nguyen-Hue Street. |

NOTE TO THE STUDENT: Ask phải không to verify whether the preceding statement is correct or not. The short, affirmative answer to this question is Dạ phải.

Phase C; Conversation and Communication

As before, engage in a conversation using the model below:

cab driver: Ông đi đâu?

passenger: Ông đi lại A.

A ở đường nào?

cab driver: A ở đường B.

passenger: A ở gần C, phải không?

cab driver: Dạ phải. A ở gần C.

***** **

Now use the following conversation as your model.

cab driver: Ông đi đâu?

passenger: Ông đi lại A.

A ở đâu?

cab driver: A ở gần C.

passenger: C ở đường B, phải không?

cab driver: Dạ phải. C ở đường B.

LESSON V

VERIFYING LOCATIONS

(b) negative responses

Phase M: Mindery and Memorization

{ Sứ-Quán Mỹ ở đường Lê-Lôi, phải không?	The American Embassy is on Le-Loi Street, isn't it?
{ Dạ không (phải). Sứ-Quán Mỹ không phải ở đường Lê-Lôi.	No. The American Embassy is not on Le-Loi Street.
{ Chợ Sài-Gòn ở gần Sứ-Quán Mỹ, phải không?	The Saigon Market is near the American Embassy, isn't it?
{ Dạ không (phải). Chợ Sài-Gòn không phải ở gần Sứ-Quán Mỹ.	No. The Saigon Market is not near the American Embassy.
{ Hội Việt-Mỹ ở gần chợ Sài-Gòn, phải không?	The Vietnamese-American Association is near the Saigon Market, right?
{ Dạ không (phải). Hội Việt-Mỹ không phải ở gần chợ Sài-Gòn.	No. The V.A.A. is not near the Saigon Market.
{ Khách-sạn Caravelle ở đường Nguyễn-Hue, phải không?	The Caravelle Hotel is on Nguyen-Hue Street, isn't it?
{ Dạ không (phải). Khách-sạn Caravelle không phải ở đường Nguyễn-Hue.	No. The Caravelle Hotel is not on Nguyen-Hue Street.
{ Rạp hát bóng Rex ở đường Tự-Do, phải không?	The Rex (movie) Theatre is on Tu-Do Street, right?
{ Dạ không (phải). Rạp hát bóng Rex không phải ở đường Tự-Do.	No. The Rex Theatre is not on Tu-Do Street.
{ Chợ Sài-Gòn ở gần sở thú, phải không?	The Saigon Market is near the zoo, right?
{ Dạ không (phải). Chợ Sài-Gòn không phải ở gần sở thú.	No. The Saigon Market is not near the zoo.

NOTE TO THE STUDENT: The short, negative response to a phải không question may be either Dạ không or Dạ không phải. Observe that whereas ở stands for "is located at," không phải ở stands for "is not located at."

The Caravelle Hotel is now also called khách-sạn Ca ra ven in Vietnamese. (Since a final "l" sound is not normal in Vietnamese, it is commonly replaced by "n.")

Phase C: Conversation and Communication

MODEL CONVERSATION (a)

cab driver: Ông đi đâu?

passenger: Ông đi lại A.

A ở đường nào?

cab driver: A ở đường B.

passenger: A ở gần C, phải không?

cab driver: Dạ phải. A ở gần C.

(or) Dạ không (phải). A không phải ở gần C.

MODEL CONVERSATION (b)

cab driver: Ông đi đâu?

passenger: Ông đi lại A.

A ở đâu?

cab driver: A ở gần C.

passenger: C ở đường B, phải không?

cab driver: Dạ phải. C ở đường B.

(or) Dạ không (phải). C không phải ở đường B.

LESSON VI

IDENTIFYING PLACES

(a) affirmative responses

Phase 3: Mimicry and Memorization

{ Đó là nhà thờ, phải không?	That's a/the church, isn't it?
{ Dạ phải. Đó là nhà thờ.	Yes. That's a/the church.
{ Đó là chợ Sài-Gòn, phải không?	That's the Saigon Market, isn't it?
{ Dạ phải. Đó là chợ Sài-Gòn.	Yes. That's the Saigon Market.
{ Đó là công trường Chiên-Si, phải không?	That's Chien-Si Circle, isn't it?
{ Dạ phải. Đó là công trường Chiên-Si.	Yes. That's Chien-Si Circle.
{ Đó là tiệm hớt tóc, phải không?	That's a/the barber shop, right?
{ Dạ phải. Đó là tiệm hớt tóc.	Right. That's a/the barber shop.
{ Đó là nhà giấy thép Sài-Gòn, phải không?	That's the Saigon Post Office, right?
{ Dạ phải. Đó là nhà giấy thép Sài-Gòn.	Yes. That's the Saigon Post Office.
{ Đó là sông Sài-Gòn, phải không?	That's the Saigon River, isn't it?
{ Dạ phải. Đó là sông Sài-Gòn.	Yes. That's the Saigon River.
{ Đó là đường Lê-Lợi, phải không?	That's Le-Loi Street, isn't it?
{ Dạ phải. Đó là đường Lê-Lợi.	Right. That's Le-Loi Street.

NOTE TO THE STUDENT: Là is a word commonly used to identify.

Ask phải không to verify whether the preceding statement is correct or not. The short, affirmative answer to this question is Dạ phải.

Phase C: Conversation and Communication

Answer your instructor's question while looking at the map of Saigon.

instructor: Đó là _____, phải không?

student: Dạ phải. Đó là _____.

(For those students who have done lessons I - V) Use the following conversations as models.

MODEL CONVERSATION (a)

cab driver: Ông đi đâu?

passenger: Ông đi lại _____ A _____.

_____ A _____ ở đường nào?

cab driver: _____ A _____ ở đường _____ B _____.

passenger: _____ A _____ ở gần _____ C _____, phải không?

cab driver: Dạ phải. _____ A _____ ở gần _____ C _____.

(or) Dạ không (phải). _____ A _____ không phải ở gần _____ C _____.

passenger: Đó là _____ A _____, phải không? (point, using the map)

cab driver: Dạ phải. Đó là _____ A _____.

MODEL CONVERSATION (b)

cab driver: Ông đi đâu?

passenger: Ông đi lại _____ A _____.

_____ A _____ ở đâu?

cab driver: _____ A _____ ở gần _____ C _____.

passenger: _____ C _____ ở đường _____ B _____, phải không?

cab driver: Dạ phải. _____ C _____ ở đường _____ B _____.

(or) Dạ không (phải). _____ C _____ không phải ở đường _____ B _____.

passenger: Đó là _____ A _____, phải không? (point, using the map)

cab driver: Dạ phải. Đó là _____ A _____.

LESSON VII

IDENTIFYING PLACES

(b) negative responses

Phase M: Mimicry and Memorization

{ Đó là nhà thờ, phải không?	That's a/the church, isn't it?
{ Dạ không (phải). Đó không phải là nhà thờ.	No. That's not a/the church.
{ Đó là chợ Sài-Gòn, phải không?	That's the Saigon Market, isn't it?
{ Dạ không (phải). Đó không phải là chợ Sài-Gòn.	No. That's not the Saigon Market.
{ Đó là công trường Chiên-Si, phải không?	That's Chien-Si Circle, isn't it?
{ Dạ không (phải). Đó không phải là công trường Chiên-Si.	No. That's not Chien-Si Circle.
{ Đó là tiệm hớt tóc, phải không?	That's a/the barber shop, right?
{ Dạ không (phải). Đó không phải là tiệm hớt tóc.	No. That's not a/the barber shop.
{ Đó là nhà giấy thép Sài-Gòn, phải không?	That's the Saigon Post Office, right?
{ Dạ không (phải). Đó không phải là nhà giấy thép Sài-Gòn.	No. That's not the Saigon Post Office.
{ Đó là sông Sài-Gòn, phải không?	That's the Saigon River, isn't it?
{ Dạ không (phải). Đó không phải là sông Sài-Gòn.	No. That's not the Saigon River.
{ Đó là đường Lê-Lợi, phải không?	That's Le-Loi Street, isn't it?
{ Dạ không (phải). Đó không phải là đường Lê-Lợi.	No. That's not Le-Loi Street.

NOTE TO THE STUDENT: The short, negative response to a phải không question may be either Dạ không or Dạ không phải. Observe that whereas là stands for "is," không phải là stands for "is not."

Phase C: Conversation and Communication

Answer your instructor's question while looking at the map of Saigon.

instructor: Đó là _____, phải không?

student: Dạ phải. Đó là _____.

(or) Dạ không (phải). Đó không phải là _____.

(For those students who have done lessons I - V) Use the model conversations of lesson VI, allowing for the possibility of having the last line be

Dạ không (phải). "Đó không phải là _____ A _____. Đó là _____ D _____.

LESSON VIII

IDENTIFYING KINDS OF SHOPS

(a) (that shop)

Phase M: Mimicry and Memorization

Tiệm đồ ăn.	That (shop) is a shop	(for eating).
..... hớt tóc.	(for cutting hair).
..... giày.	(for shoes).
..... đồng hồ.	(for clocks & watches).
..... giặt ủi.	(for washing & ironing - "laundry").

Tiệm đồ ăn là tiệm gì?

What kind of shop is that?

Phase C: Conversation and Communication

Using visual aids, engage in conversations involving:

instructor: Đó là _____, phải không?

student: Dạ phải. Đó là _____.

(or) Dạ không (phải). Đó không phải là _____. Đó là _____.

(and)

instructor: Tiệm đồ ăn là tiệm gì?

student: Tiệm đồ ăn là tiệm _____.

(For those students who have done lessons I - V) Use the model conversations of lessons VI and VII, but before the last question-answer exchange, insert:

passenger: Tiêm đó là tiệm gì? (pointing to a visual aid)

cab driver: Tiêm đó là tiệm _____.

LESSON IX

IDENTIFYING KINDS OF SHOPS

(b) (this shop)

Phase M: Mimicry and Memorization

Tiệm này là tiệm	may.	This (shop) is a shop	(for making clothes - "tailor's," "dressmaker's")
.....	sách.	(for books)
.....	cầm đồ.	(for pawning things - "pawnshop")
.....	thuốc tây.	(for occidental medicine - "pharmacy")
.....	tạp-hóa.	(for miscellaneous goods - "variety store")

Tiệm này là tiệm gì?

What kind of shop is this?

NOTE TO THE STUDENT: If the shop is relatively near, use tiệm này;
otherwise, use tiệm đó.

Phase C: Conversation and Communication

Using visual aids, engage in conversations involving:

instructor: Đó là _____, phải không?

student: Dạ phải. Đó là _____.

(or) Dạ không (phải). Đó không phải là _____. Đó là _____.

(and)

instructor: Tiệm này/đó là tiệm gì?

student: Tiệm này/đó là tiệm _____.

LESSON X

(review)

THOUGHT TRANSLATION

In this lesson you will find unrelated English sentences. Each sentence is one that might come to your mind in a given situation. Step I: Look at the English sentence and think of the situation in which it might come to your mind (for example, "identifying places," "identifying kinds of shops"). Step II: From the lessons that have been presented select that Vietnamese utterance which you think might be used in such a situation to convey as closely as possible the thought behind the English sentence.

Do not look for word-for-word equivalents. Try instead to use your limited Vietnamese to communicate and get the necessary information you need.

Sometimes you will have to ask a question, and other times you will be required to make a statement. (a) If you ask a question, your instructor will supply a response. Tell in your own words in English what the response is. (b) If you do not ask a question, there will be no response from the instructor.

PART I: (lessons VI - IX)

1. That's a church, isn't it?
2. Is that a barber shop?
3. Isn't that Chien-Si Circle?
4. That's not the Saigon Market.
5. What kind of shop is this?
6. That shop is a pawnshop.
7. Is that the tailor's?
8. This place is a restaurant.
9. That's the Saigon River.
10. Isn't this a shoe store?

11. No, this is a book store.
12. Do you know if that's Le-Loi Street?
13. What kind of store is this, a variety store?
14. There's the Saigon Post Office.
15. The clock store is over there.
16. There you have a pharmacy.
17. Is this a laundry or the dressmaker's?
18. Yes. This is a watch store.
19. There's the Saigon River, right?
20. No, you're in a shoe store.

PART II: (lessons I - IX)

1. Where would you like to go?
2. The Rex Theatre is situated on Nguyen-Hue Street.
3. Where can I find the Majestic Hotel?
4. Is the Fuji Restaurant on Tu-Do Street?
5. No, the Saigon Market is not near the zoo.
6. What street is the American Embassy on?
7. (you're at the Majestic Hotel) Is the Saigon Post Office near here?
8. How can I get to the zoo?
9. Where are you headed?
10. No, there's no Caravelle Hotel on Nguyen-Hue Street.
11. The Caravelle Hotel is far from the Fuji Restaurant.
12. Is the Saigon Market located on Le-Loi Street?
13. Take me to the Rex Theatre.
14. Yes, the American Embassy is near the Saigon Post Office.
15. I want to go to U.S.O.M. (said to a cab driver)

16. The American Embassy is far from the Fuji Restaurant.
17. No. The V.A.A. and the Saigon Market are not near each other.
18. Yes. The American Embassy and the Saigon Post Office are near each other.
19. We want to get to Mac-Dinh-Chi Street. (said to a cab driver)
20. I want to go to Thong-Nhut Street. (said to a cab driver)
21. Take me to Chien-Si Circle.
22. Is the church near the zoo?
23. What street is the tailor's on?
24. Isn't that a restaurant?
25. Is the V.A.A. on Hung-Vuong Street?
26. No, there's a shoe store!
27. Is the pharmacy on Ngo-Thoi-Nhiem Street?
28. Take us to the V.A.A.
29. The American Embassy is on Thong-Nhut Street, not far from the zoo.
30. Where's the Rex Theatre, on Mac-Dinh-Chi Street?
31. Do you know where I can find a pawnshop?
32. You're in a variety store.
33. You can see the bookstore over there.
34. There's a barber shop near the laundry.
35. What kind of store is this?
36. What street is the watch store on?
37. This is a restaurant, not a barber shop.
38. Isn't the church near the bookstore?
39. Where to?
40. Take me to a tailor shop.

GETTING AROUND IN SAIGON

LESSON 10

(answers - for instructors only)

PART I

1. Đó là nhà thờ, phải không?
2. Đó là tiệm hớt tóc, phải không?
3. Đó là công trường Chien-Si, phải không?
4. Đó không phải là chợ Sài-Gòn.
5. Tiệm này là tiệm gì?
6. Tiệm đó là tiệm cam đó.
7. (Tiệm) đó là tiệm may, phải không?
8. Tiệm này là tiệm ăn.
9. Đó là sông Sài-Gòn.
10. Tiệm này là tiệm giày, phải không?
11. Dạ không (phải). Tiệm này là tiệm sách.
12. Đó là đường Lê-Lợi, phải không?
13. Tiệm này là tiệm tạp-hóa, phải không?
14. Đó là nhà giấy thép Sài-Gòn!
15. (Tiệm) đó là tiệm đồng hồ.
16. (Tiệm) đó là tiệm thuốc tây.
17. Tiệm này là tiệm giặt ủi, phải không?
(only if the response is negative does the student need to ask:
Tiệm này là tiệm may, phải không?)
18. Dạ phải. Tiệm này là tiệm đồng hồ.
19. Đó là sông Sài-Gòn, phải không?
20. Dạ không (phải). Tiệm này là tiệm giày.

PART II

1. Ông đi đâu?
2. Rạp hát bóng Rex ở đường Nguyễn-Huê.
3. Khách-sạn Majestic ở đâu?
4. Tiệm ăn Fuji ở đường Tự-Do, phải không?
5. Dạ không (phải). Chợ Sài-Gòn không phải ở gần sở thú.
6. Sú-Quan Mỹ ở đường nào?
7. Nhà giấy thép Sài-Gòn ở gần khách-sạn Majestic, phải không?
8. Sở thú ở đâu?
9. Ông đi đâu?
10. Dạ không (phải). Khách-sạn Caravelle không phải ở đường Nguyễn-Huê.
11. Khách-sạn Caravelle không phải ở gần tiệm ăn Fuji.
12. Chợ Sài-Gòn ở đường Lê-Lợi, phải không?
13. Ông đi lại rạp hát bóng Rex.
14. Dạ phải. Sú-Quan Mỹ ở gần nhà giấy thép Sài-Gòn.
15. Ông đi lại Du-Xom.
16. Sú-Quan Mỹ không phải ở gần tiệm ăn Fuji.
17. Dạ không (phải). Hội Việt-Mỹ không phải ở gần chợ Sài-Gòn.
18. Dạ phải. Sú-Quan Mỹ ở gần nhà giấy thép Sài-Gòn.
19. Ông đi lại đường Mạc-Đĩnh-Chi.
20. Ông đi lại đường Thông-Nhứt.
21. Ông đi lại công trường Chiến-Sĩ.
22. Nhà thờ ở gần sở thú, phải không?
23. Tiệm may ở đường nào?
24. (Tiệm) đó là tiệm ăn, phải không?
25. Hội Việt-Mỹ ở đường Hùng-Vương, phải không?